

Nghị định
Số 61/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2002
của Chính phủ

Về chế độ nhuận bút

Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ các quy định tại Chương I Phần thứ sáu của Bộ luật Dân sự ngày 28 tháng 10 năm 1995 về quyền tác giả và Nghị định số 76/CP ngày 29 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định về quyền tác giả trong Bộ luật Dân sự;
Nhằm khuyến khích hoạt động sáng tạo của tác giả, và đảm bảo quyền tài sản của chủ sở hữu tác phẩm đối với tác phẩm của mình;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin,

Nghị định

Chương I
Những quy định chung

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định và hướng dẫn thi hành chế độ nhuận bút cho tác giả, chủ sở hữu tác phẩm theo Điều 745, 746 có các loại hình tác phẩm được bảo hộ theo quy định tại Điều 747 Bộ luật Dân sự.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Chế độ nhuận bút đối với tác phẩm quy định khoản tiền nhuận bút trả cho tác giả hoặc các tác giả (*dưới đây gọi là tác giả*) hoặc chủ sở hữu tác phẩm khi tác phẩm được sử dụng nhằm bảo đảm quyền lợi và khuyến khích tác giả sáng tạo nhiều tác phẩm có giá trị cao; khoản tiền thù lao cho người thực hiện các công việc có liên quan đến tác phẩm.

Điều 3: Tác giả của các loại hình tác phẩm được hưởng chế độ nhuận bút, theo Điều 747 Bộ luật Dân sự, bao gồm:

- 1- Tác phẩm viết;
- 2- Bài giảng, bài phát biểu;
- 3- Tác phẩm sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác;

- 4- Tác phẩm điện ảnh, vi-đi-ô;
- 5- Tác phẩm phát thanh, truyền hình;
- 6- Tác phẩm báo chí;
- 7- Tác phẩm âm nhạc;
- 8- Tác phẩm kiến trúc;
- 9- Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng;
- 10- Tác phẩm nhiếp ảnh;
- 11- Công trình khoa học, sách giáo khoa, giáo trình;
- 12- Các bức hoạ đồ, bản vẽ, sơ đồ, bản đồ có liên quan đến địa hình, kiến trúc, công trình khoa học;
- 13- Tác phẩm dịch, phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển tập, hợp tuyển;
- 14- Phần mềm máy tính;
- 15- Tác phẩm khác do pháp luật quy định.

Điều 4: Nhóm nhuận bút của các loại hình tác phẩm

Các loại hình tác phẩm chia thành sáu nhóm nhuận bút, bao gồm:

- 1- Nhuận bút cho tác phẩm sử dụng dưới hình thức xuất bản phẩm;
- 2- Nhuận bút cho tác phẩm sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác;
- 3- Nhuận bút cho tác phẩm điện ảnh, vi-đi-ô;
- 4- Nhuận bút cho tác phẩm báo chí (báo in, báo điện tử);
- 5- Nhuận bút cho tác phẩm phát thanh, truyền hình (báo nói, báo hình);
- 6- Nhuận bút cho tác phẩm tạo hình (mỹ thuật), mỹ thuật ứng dụng và nhiếp ảnh.

Điều 5: Giải thích một số từ ngữ trong Nghị định này

- 1- *Nhuận bút* là khoản tiền do bên sử dụng tác phẩm trả cho tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm khi tác phẩm được sử dụng.
- 2- *Nhuận bút khuyến khích* là khoản tiền do bên sử dụng tác phẩm trả thêm cho tác giả nhằm khuyến khích tác giả sáng tạo tác phẩm thuộc loại đề tài và những trường hợp đặc biệt quy định tại Nghị định này.
- 3- *Quỹ nhuận bút* là khoản tiền do bên sử dụng tác phẩm lập ra để trả nhuận bút, thù lao và các lợi ích vật chất khác.
- 4- *Thù lao* là khoản tiền do bên sử dụng tác phẩm trả cho những người thực hiện các công việc có liên quan đến tác phẩm quy định tại Nghị định này.
- 5- *Lợi ích vật chất* là các lợi ích mà tác giả được hưởng ngoài nhuận bút bao gồm: nhận sách biểu; vé mời xem tác phẩm công bố, phổ biến; giải thưởng trong nước hoặc quốc tế...

Điều 6: Đối tượng hưởng nhuận bút

- 1- Đối tượng hưởng nhuận bút là tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm của tác phẩm thuộc một trong các nhóm nhuận bút quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2- Đối với các tác phẩm không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận quyền thừa kế hoặc không được hưởng quyền thừa kế, tác phẩm không rõ tác giả hoặc tác phẩm khuyết danh quy định tại các Điều 764, 765, 766 của Bộ luật Dân sự thì nhuận bút thuộc về Nhà nước. Chính phủ giao Bộ Văn hoá - Thông tin quản lý và hướng dẫn việc thực hiện nhuận bút đối với các tác phẩm quy định tại khoản này.

3- Tác giả là người thuộc đơn vị sử dụng tác phẩm (trong biên chế hoặc hợp đồng dài hạn) sáng tạo tác phẩm quy định tại Điều 3 Nghị định này ngoài nhiệm vụ được giao thì được hưởng 100% nhuận bút.

4- Ngoài các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này, những người tham gia thực hiện các công việc có liên quan đến tác phẩm tùy theo mức độ đóng góp được đơn vị sử dụng tác phẩm trả thù lao thông qua hợp đồng thỏa thuận.

Những người thuộc đơn vị sử dụng tác phẩm (trong biên chế hoặc hợp đồng dài hạn) thực hiện các công việc trên ngoài nhiệm vụ được giao thì được hưởng 100% thù lao.

Tiền thù lao được tính trong quỹ nhuận bút.

5- Tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm của tác phẩm kiến trúc, của phần mềm máy tính hưởng nhuận bút theo hợp đồng thỏa thuận sử dụng tác phẩm giữa tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm và bên sử dụng tác phẩm.

6- Các tác phẩm, văn bản, bản dịch, tài liệu quy định tại Điều 748 Bộ luật Dân sự dưới đây khi được sử dụng thì bên sử dụng trả thù lao cho người sưu tầm, người cung cấp:

a. Tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian;

b. Văn bản của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế và bản dịch của những văn bản đó;

c. Tin tức thời sự thuần túy đưa tin.

Điều 7: Nguyên tắc trả nhuận bút

1- Việc trả nhuận bút phải bảo đảm hợp lý giữa lợi ích của tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm, lợi ích của bên sử dụng tác phẩm và lợi ích của người hưởng thụ tác phẩm, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước.

2- Mức nhuận bút trả cho tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm căn cứ vào thể loại, chất lượng tác phẩm, hiệu quả kinh tế - xã hội của tác phẩm thông qua Hợp đồng sử dụng tác phẩm.

3- Tác phẩm thuộc thể loại sáng tác, nghiên cứu được trả nhuận bút cao hơn những tác phẩm dịch, phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển tập, hợp tuyển. Tác giả của tác phẩm gốc được hưởng một phần trên tổng số nhuận bút khi tác phẩm đó được sử dụng làm tuyển tập, hợp tuyển, phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn thành tác phẩm mới hoặc dịch sang ngôn ngữ khác.

4- Tác giả phần lời của bản nhạc, truyện tranh được hưởng một phần trong tổng số nhuận bút. Tỷ lệ phân chia nhuận bút do các tác giả thoả thuận có sự tham gia của bên sử dụng tác phẩm.

5- Tác giả của tác phẩm dành cho thiếu nhi, dân tộc thiểu số; tác giả là người Việt Nam viết trực tiếp bằng tiếng nước ngoài, người Kinh viết trực tiếp bằng tiếng dân tộc thiểu số, người dân tộc thiểu số này viết trực tiếp bằng tiếng dân tộc thiểu số khác; tác giả của tác phẩm được thực hiện trong điều kiện khó khăn, nguy hiểm và những trường hợp đặc biệt khác được hưởng thêm nhuận bút khuyến khích.

6- Tác phẩm lưu hành nội bộ, không kinh doanh hưởng chế độ nhuận bút thấp hơn tác phẩm thuộc loại hình tương ứng có kinh doanh. Mức nhuận bút do tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm và bên sử dụng tác phẩm thoả thuận.

7- Tác phẩm thuộc nhóm nhuận bút nào được trả nhuận bút theo nhóm đó.

8- Tác phẩm đã công bố, phổ biến khi được sử dụng lại tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm vẫn hưởng nhuận bút theo quy định.

9- Đối với tác phẩm đồng tác giả, tỷ lệ phân chia nhuận bút do các tác giả thoả thuận có sự tham gia của bên sử dụng tác phẩm.

10- Cơ quan sử dụng tác phẩm phải trích lập quỹ nhuận bút trong phạm vi nguồn đã được quy định.

Quỹ nhuận bút được dùng để trả nhuận bút cho tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm có tác phẩm được sử dụng; trả thù lao, lợi ích vật chất; tổ chức các hoạt động khuyến khích sáng tạo.

11- Đối với tác phẩm có tính đặc thù chưa được quy định cụ thể tại Nghị định này thì việc trả nhuận bút do thoả thuận giữa bên sử dụng tác phẩm với tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm thông qua hợp đồng thoả thuận khoán gọn.

12- Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày tác phẩm được công bố, phổ biến, bên sử dụng tác phẩm phải trả hết tiền nhuận bút cho tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm theo đúng hợp đồng đã ký kết. Trường hợp trả chậm hơn phải được sự đồng ý của tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm.

13- Việc sử dụng tác phẩm và trả nhuận bút phải thông qua hợp đồng bằng văn bản theo quy định của pháp luật.

Chương II **nhuận bút cho tác phẩm sử dụng** **dưới hình thức xuất bản Phẩm**

Điều 8: Đối tượng hưởng nhuận bút

1- Tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm có tác phẩm được sử dụng dưới hình thức xuất bản phẩm.

2- Ngoài đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, người sưu tầm, người cung cấp tác phẩm, văn bản quy định tại các điểm a, b khoản 6 Điều 6 Nghị định này,

biên tập viên tùy theo mức độ đóng góp được cơ quan sử dụng tác phẩm trả thù lao.

Biên tập viên là người thuộc cơ quan sử dụng tác phẩm (trong biên chế hoặc hợp đồng dài hạn) hưởng thù lao theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này. Tiền thù lao được tính trong giá thành xuất bản phẩm.

Điều 9: Nhuận bút cho tác phẩm sử dụng dưới hình thức xuất bản phẩm

Nhuận bút cho tác phẩm sử dụng dưới hình thức xuất bản phẩm căn cứ vào thể loại, chất lượng, số lượng xuất bản phẩm theo tỷ lệ phần trăm (%) trong khung nhuận bút dưới đây:

Nhóm	Thể loại	Tỷ lệ phần trăm (%)
I	Sách sáng tác	
1	Văn xuôi	6 - 15%
2	Sách nhạc	8 - 15%
3	Thơ	10 - 15%
4	Kịch bản sân khấu, điện ảnh	10 - 15%
5	Sách tranh, sách ảnh	6 - 10%
6	Truyện tranh	2 - 8%
7	Từ điển, sách tra cứu	10 - 15%
8	Sách nghiên cứu lý luận về chính trị, văn hoá, xã hội, giáo dục	10 - 12%
9	Sách khoa học - công nghệ, kỹ thuật, công trình khoa học	8 - 15%
10	Sách phổ biến kiến thức về chính trị, văn hoá, xã hội - giáo dục, khoa học - công nghệ, kỹ thuật	6 - 10%
11	Giáo trình đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, sách phương pháp cho giáo viên và phụ huynh	6 - 12%
12	Sách bài học, sách bài tập, sách vở bài tập, sách cho giáo viên, sách cho chương trình mục tiêu, sách giáo trình cao đẳng sư phạm (theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo)	30 - 140% mức tiền lương tối thiểu/tiết
13	Sách tham khảo phổ thông theo chương trình sách giáo khoa	2 - 10%
II	Sách phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển tập, hợp tuyển.	2 - 8%
III	Sách dịch	
1	Dịch từ tiếng Việt ra tiếng nước ngoài	8 - 12%
2	Dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt (trừ truyện tranh theo nhóm I)	6 - 10%
3	Dịch từ tiếng Việt sang tiếng các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	12 - 15%
4	Dịch từ tiếng dân tộc thiểu số này sang	15 - 18%

Nhóm	Thể loại	Tỷ lệ phần trăm (%)
IV	tiếng dân tộc thiểu số khác ở Việt Nam Sách điện tử, CD-ROM	8 - 10%
V	Bản đồ	5 - 20%
VI	Băng, đĩa Băng âm thanh, đĩa âm thanh Băng hình, đĩa hình	4 - 5% 6 - 8%

Điều 10: Những quy định khác

1- Người hiệu đính tác phẩm dịch hưởng từ 5 - 30% nhuận bút tác phẩm dịch tùy theo mức độ và chất lượng hiệu đính.

Trường hợp hiệu đính trên 30% tác phẩm dịch thì người hiệu đính là đồng tác giả.

2- Đối với tác phẩm dịch, phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển tập, hợp tuyển bên sử dụng tác phẩm phải xin phép và trả nhuận bút cho tác giả của tác phẩm gốc. Mức nhuận bút do thỏa thuận giữa bên sử dụng tác phẩm với tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm gốc. Riêng việc dịch, phổ biến tác phẩm từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam và ngược lại, không phải xin phép và không phải trả nhuận bút cho tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm gốc.

3- Tác giả phần lời của bản nhạc, truyện tranh hưởng từ 20-50% nhuận bút của tác phẩm đó.

4- Tác giả của tác phẩm dành cho thiếu nhi, dân tộc thiểu số hưởng thêm khoản nhuận bút khuyến khích bằng 10-30% nhuận bút của tác phẩm đó.

5- Tác giả là người Việt Nam viết trực tiếp bằng tiếng nước ngoài, người Kinh viết trực tiếp bằng tiếng dân tộc thiểu số, người dân tộc thiểu số này viết trực tiếp bằng tiếng dân tộc thiểu số khác, hưởng thêm nhuận bút khuyến khích bằng 40 - 60% nhuận bút của tác phẩm đó.

6- Nhuận bút cho xuất bản phẩm song ngữ bằng 1/2 mức nhuận bút của sách dịch cùng thể loại được quy định trong khung nhuận bút.

7- Nhuận bút cho xuất bản phẩm không kinh doanh (lưu hành nội bộ hoặc phát không cho công chúng) bằng từ 80-90% nhuận bút của tác phẩm kinh doanh cùng thể loại.

8- Ngoài tiền nhuận bút, tác giả được nhận 3 bản xuất bản phẩm. Trường hợp xuất bản phẩm có nhiều tác giả thì việc nhận xuất bản phẩm do các tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm và bên sử dụng tác phẩm thỏa thuận.

Điều 11: Phương thức tính trả nhuận bút

1- Nhuận bút được tính trả theo tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong khung nhuận bút nhân với giá bán lẻ xuất bản phẩm và nhân với số lượng in xuất bản phẩm.

$$\text{Nhuận bút} = \frac{\text{Tỷ lệ}}{\%} \times \text{Giá bán lẻ xuất bản phẩm} \times \text{Số lượng in}$$

Trong đó:

a. Tỷ lệ phần trăm (%) là tỷ lệ trong khung nhuận bút được thoả thuận giữa tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm và bên sử dụng tác phẩm thể hiện trên hợp đồng sử dụng tác phẩm.

b. Giá bán lẻ xuất bản phẩm là giá tiền in ở cuối trang bìa 4 hoặc giá bán lẻ ghi trên hoá đơn bán xuất bản phẩm vào thời điểm thanh toán trả tiền nhuận bút cho tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm.

Trường hợp sau đó giá bán lẻ thay đổi, nếu không có thoả thuận khác được ghi trong hợp đồng sử dụng tác phẩm thì giá bán lẻ để tính nhuận bút vẫn giữ nguyên như trước.

Đối với tác phẩm xuất bản theo đơn đặt hàng, tài trợ mà giá bán lẻ thấp hơn giá thông thường thì mức giá bán lẻ để tính nhuận bút là giá trung bình của xuất bản phẩm tương đương cùng thể loại đang kinh doanh.

c. Số lượng in là số lượng ghi trong hợp đồng sử dụng tác phẩm.

Xuất bản phẩm tái bản hưởng thêm từ 0,5 - 2% ngoài tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong khung nhuận bút và tính trên giá bán lẻ mới.

2- Riêng đối với xuất bản phẩm quy định tại số 12 nhóm I trong khung nhuận bút thì nhuận bút được tính trả theo tỷ lệ phần trăm (%) trong khung nhuận bút nhân với mức tiền lương tối thiểu Nhà nước quy định đối với công chức, viên chức khu vực hành chính sự nghiệp (sau đây gọi là mức tiền lương tối thiểu) và nhân với số lượng bài hay tiết học.

$$\text{Nhuận bút} = \frac{\text{Tỷ lệ phần trăm (\%)}}{\%} \times \frac{\text{Mức tiền lương tối thiểu}}{\text{tối thiểu}} \times \text{Số lượng bài hay tiết học}$$

Đối với xuất bản phẩm loại này thì xuất bản phẩm tái bản hưởng bằng 10 - 25% nhuận bút xuất bản lần đầu.

Điều 12: Quỹ nhuận bút

Cơ quan sử dụng tác phẩm dưới hình thức xuất bản phẩm trích lập quỹ nhuận bút từ tổng doanh thu xuất bản phẩm dựa theo các tỷ lệ phần trăm trong khung nhuận bút xuất bản phẩm.

Chương III
NHUẬN BÚT CHO TÁC PHẨM SÂN KHẤU VÀ CÁC LOẠI HÌNH NGHỆ THUẬT
BIỂU DIỄN KHÁC

Điều 13: Đối tượng hưởng nhuận bút

1- Tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm có tác phẩm được sử dụng dưới hình thức sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

2- Đạo diễn, biên kịch, biên đạo múa, nhạc sĩ, họa sĩ.

3- Tác giả là người thuộc đơn vị sử dụng tác phẩm (trong biên chế hoặc hợp đồng dài hạn) hưởng nhuận bút theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này.

4- Ngoài các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này, diễn viên sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác, người chỉ huy dàn dựng âm nhạc, người thiết kế ánh sáng, trợ lý nghệ thuật, mỹ công, đạo diễn chương trình (đối với chương trình nghệ thuật biểu diễn tổng hợp) tùy theo mức độ đóng góp được bên sử dụng tác phẩm trả thù lao.

Những người thực hiện các công việc trên là người thuộc đơn vị sử dụng tác phẩm (trong biên chế hoặc hợp đồng dài hạn) hưởng thù lao theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này.

Tiền thù lao được tính trong giá thành hoặc tổng chi phí xây dựng chương trình.

Điều 14: Nhuận bút cho tác phẩm sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác

Nhuận bút cho tác phẩm sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác do thỏa thuận giữa bên sử dụng tác phẩm với tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm trả theo một trong 2 phương thức: theo khung nhuận bút hoặc theo tỷ lệ phần trăm doanh thu buổi diễn.

Điều 15: Nhuận bút trả theo khung nhuận bút

Nhuận bút cho tác phẩm sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác căn cứ vào thể loại, chất lượng tác phẩm được tính theo các bậc trong khung quy định dưới đây:

1- Nhuận bút cho tác phẩm thuộc thể loại: tuồng, chèo, cải lương, kịch nói, kịch thơ, kịch dân ca, kịch hát mới, múa rối.

a. Đạo diễn, biên kịch.

Đơn vị tính: Mức tiền lương tối thiểu

Số TT	Thể loại và quy mô tác phẩm	Đạo diễn				Biên kịch			
		Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4
1	Vở ngắn 20' - 45'	13,80	27,61	41,90	55,23	19,00	41,90	62,85	83,80
2	Vở vừa 46'- 105'	27,61	41,90	55,23	68,57	41,90	62,85	83,80	104,76
3	Vở dài 105'- 150'	41,90	55,23	68,57	81,00	62,85	83,80	104,76	123,80

b. Biên đạo múa hưởng bằng 25% nhuận bút của đạo diễn.

c. Nhạc sĩ, họa sĩ hưởng bằng 60% nhuận bút của đạo diễn.

2- Nhuận bút cho tác phẩm múa

a. Biên đạo múa:

Đơn vị tính: Mức tiền lương tối thiểu

TT	Thể loại và quy mô tác phẩm	Thang nhuận bút tác giả			
		Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4
1	Tiết mục múa tập thể không có tình tiết, cốt truyện từ 4- 8 phút	10,47	11,90	13,33	15,23
2	Tiết mục múa đơn (Solo), đôi (Duo), ba (Trio) từ 4- 8 phút	12,38	13,80	15,70	17,60
3	Tiết mục múa có tình tiết, cốt truyện; thơ múa nhỏ từ 9-15 phút	17,10	19,00	21,42	23,80
4	Phần múa cho tổ khúc múa				
	a) Tổ khúc múa ngắn từ 20- 45 phút	30,60	35,10	40,95	45,60
	b) Tổ khúc múa vừa từ 46- 90 phút	50,14	55,90	60,66	65,42
	c) Tổ khúc múa dài từ 91 phút trở lên	70,62	75,47	80,23	81,00
5	Phần múa cho thơ múa:				
	a) Thơ múa ngắn từ 20- 45 phút	45,80	50,90	55,00	60,20
	b) Thơ múa vừa từ 46- 90 phút	85,50	90,60	95,50	100,90
	c) Thơ múa dài từ 91 phút trở lên	110,80	115,00	125,20	131,50
6	Phần múa cho kịch múa:				

TT	Thể loại và quy mô tác phẩm	Thang nhuận bút tác giả			
		Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4
	a) Kịch múa ngắn từ 20- 45 phút	55,40	60,40	66,00	75,60
	b) Kịch múa vừa từ 46- 90 phút	100,00	110,00	115,60	120,10
	c) Kịch múa dài từ 91 phút trở lên	130,50	140,00	155,60	165,10
7	Phần múa sáng tác cho các tiết mục múa trong xiếc, rối, kịch nói, kịch hát, phim, hoạt cảnh... Tính theo mỗi phút múa	1,00	1,20	1,30	1,47

b. Nhạc sĩ sáng tác âm nhạc (cả phối khí) cho tác phẩm múa hưởng bằng nhuận bút biên đạo múa của tác phẩm cùng thể loại, quy mô và bậc.

c. Biên kịch hưởng nhuận bút như sau:

- Biên kịch cho múa có tình tiết, thơ múa nhỏ, tổ khúc múa (trừ thể loại tổ khúc dân gian) hưởng bằng 20% nhuận bút biên đạo múa của tác phẩm cùng thể loại, quy mô và bậc.

- Biên kịch (bao gồm kịch bản văn học, kịch bản phân cảnh...) cho thể loại thơ múa, kịch múa hưởng bằng 30% nhuận bút biên đạo múa của tác phẩm cùng thể loại, quy mô và bậc.

d. Hoạ sĩ cho tác phẩm múa hưởng nhuận bút như sau:

- Hoạ sĩ cho tác phẩm lớn (bao gồm: makét, phong cảnh, bục diễn, trang phục, đạo cụ...), tùy khối lượng và chất lượng nghệ thuật, hưởng theo 4 mức bằng 15% - 20% - 25% - 30% nhuận bút biên đạo múa của tác phẩm cùng thể loại, quy mô và bậc.

- Hoạ sĩ cho tiết mục nhỏ hưởng nhuận bút theo số lượng mẫu cảnh trang trí và mẫu trang phục. Tùy chất lượng và mức độ phức tạp, mỗi mẫu cảnh trang trí có 4 mức hệ số so với mức tiền lương tối thiểu từ 1,4 - 2,0 - 2,4 - 2,9; mỗi mẫu trang phục có 4 mức hệ số so với mức tiền lương tối thiểu từ 0,7 - 0,9 - 1,0 - 1,2.

đ. Biên đạo múa của thể loại múa hát hưởng bằng 50 - 70% nhuận bút biên đạo múa của thể loại 1 và 2 tùy theo chất lượng và mức độ sử dụng múa.

3- Nhuận bút cho tác phẩm âm nhạc:

a. Nhạc sĩ:

Đơn vị tính: Mức tiền lương tối thiểu

STT	Thể loại và quy mô bản nhạc	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4
1	Ca khúc	9,50	11,90	14,28	19,00
2	Trường ca, Romance	11,90	14,28	19,00	23,80
3	Liên ca khúc	14,28	19,00	23,80	28,57
4	Hợp xướng 1 chương	19,00	21,40	23,80	28,57
5	Hợp xướng nhiều chương	47,60	71,40	95,20	119,0
6	Tiểu phẩm nhạc khí từ 3 đoạ kép trở xuống	11,90	19,00	28,57	38,10
7	Hình thức Sonate và loại hình tương tự	38,10	42,85	47,60	57,10
8	Thơ giao hưởng và loại hình tương tự	57,10	66,66	76,20	85,70
9	- Giao hưởng - Concerto 3 chương trở lên - Ballet viết cho dàn nhạc giao hưởng	119,0	133,30	147,60	166,66
10	Nhạc cảnh- Ca cảnh - Loại nhỏ (từ 15 phút trở lên) - Loại trung bình (từ 25 phút trở lên) - Loại lớn (từ 45 phút trở lên)	47,60 66,66 80,95	52,38 71,40 85,70	57,10 76,20 90,47	61,90 80,95 95,20
11	Thanh xướng kịch - Loại trung bình (từ 25 phút trở lên) - Loại lớn (từ 45 phút trở lên)	71,40 95,20	80,95 104,76	90,47 114,28	100,00 128,57
12	Nhạc kịch	147,60	166,60	188,30	260,60

- b. Đối với bản nhạc có lời, người sáng tác phần nhạc hưởng 70%, người sáng tác phần lời hưởng 30% nhuận bút cho nhạc sĩ.
- c. Nhạc sĩ phối khí nhạc đệm cho ca khúc có tổng phổ hưởng bằng 25% nhuận bút cho nhạc sĩ của ca khúc cùng thể loại và bậc.
- d. Nhạc sĩ chuyển thể bản nhạc cho dàn nhạc khác hưởng bằng 30% nhuận bút cho nhạc sĩ của bản nhạc cùng thể loại và bậc.
- đ. Hoạ sĩ cho tác phẩm âm nhạc thể loại nhạc cảnh, ca cảnh, nhạc kịch hưởng nhuận bút như sau:
 - Hoạ sĩ cho tác phẩm lớn (bao gồm: makét, phong cảnh, bục diễn, trang phục, đạo cụ...) tùy khối lượng và chất lượng nghệ thuật hưởng bằng 15% - 20% - 30% nhuận bút cho nhạc sĩ của bản nhạc cùng thể loại và bậc.
 - Hoạ sĩ cho tiết mục nhỏ hưởng nhuận bút theo số lượng mẫu cảnh trang trí và mẫu trang phục như quy định đối với tác phẩm múa.
- e. Đối với thể loại ca cảnh, nhạc kịch, biên kịch ca cảnh hưởng bằng 5% - 7% - 10%, biên kịch, nhạc kịch hưởng bằng 10% - 15% - 20% nhuận bút cho nhạc sĩ của bản nhạc cùng thể loại và bậc.

Điều 16: Nhuận bút trả theo doanh thu buổi diễn

Nhuận bút cho tác phẩm sử dụng dưới hình thức nghệ thuật biểu diễn được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) doanh thu buổi diễn:

1- Đối với tuồng, chèo, cải lương, kịch nói, kịch thơ, kịch dân ca, kịch hát mới, múa rối, bên sử dụng tác phẩm trích từ 15- 21% doanh thu buổi diễn để trả nhuận bút cho tác giả theo quy định dưới đây:

- a. Đạo diễn hưởng 5-7% doanh thu
- b. Biên kịch hưởng 6-8% doanh thu
- c. Nhạc sĩ hưởng 2,5-3% doanh thu
- d. Hoạ sĩ hưởng 2,5-3% doanh thu.

đ. Biên đạo múa, tác giả các trò rối, kỹ thuật múa rối, tạo hình con rối sáng tạo mới thì hưởng theo tỷ lệ thoả thuận trong hợp đồng.

e. Từ buổi diễn thứ 51 của vở diễn tuồng, chèo, cải lương, kịch nói, kịch dân ca, tác giả hưởng thêm nhuận bút khuyến khích bằng 2% doanh thu buổi diễn.

2- Đối với tác phẩm múa, bên sử dụng tác phẩm trích từ 15-21% doanh thu buổi diễn để trả nhuận bút cho: biên đạo múa, đạo diễn múa, biên kịch, nhạc sĩ, hoạ sĩ theo tỷ lệ thoả thuận trong hợp đồng.

3- Đối với tác phẩm âm nhạc, bên sử dụng tác phẩm trích từ 15-21% doanh thu buổi diễn để trả nhuận bút cho: biên kịch, nhạc sĩ, nhạc sĩ phối khí, nhạc sĩ chuyển thể, hoạ sĩ theo thoả thuận trong hợp đồng.

Từ buổi diễn thứ 21 của nhạc kịch, tác giả hưởng thêm nhuận bút khuyến khích bằng 2% doanh thu buổi diễn.

4- Đối với xiếc: Bên sử dụng tác phẩm trích tỷ lệ % doanh thu buổi diễn để trả nhuận bút cho tác giả theo khung nhuận bút dưới đây:

Đơn vị tính: Tỷ lệ % doanh thu buổi diễn

Số TT	Thể loại	Biên kịch	Đạo diễn	Biên đạo múa	Nhạc sĩ	Hoạ sĩ	Tổng số (%)
1	Tiết mục dạng trò	0,05-0,15	0,1-0,2	0,05-0,13	0,1-0,18	0,05-0,13	0,35-0,79
2	Tiết mục có tình tiết	0,1-0,2	0,15-0,25	0,05-0,13	0,1-0,18	0,05-0,19	0,45-0,95
3	Hề	0,1-0,2	0,15-0,25	0,05-0,13	0,1-0,18	0,05-0,13	0,45-0,89
4	Kịch câm	0,1-0,2	0,15-0,25	0,05-0,13	0,1-0,18	0,05-0,13	0,45-0,89
5	Sáng tác kĩ xảo mới	0,1-0,2	0,15-0,25	0,05-0,13			0,3-0,6
	Sáng tác từ 1-2 trò	0,1-0,3	0,1-0,3				0,2-0,6
	Sáng tác từ 3-5 trò						
	Sáng tác từ 6 trò trở lên	0,4-0,9	0,4-0,9				0,8-1,8
	1-2		1-2				2-4

Điều 17: Những quy định khác

1- Đối với tác phẩm chuyển thể, phóng tác, cải biên từ các tác phẩm văn xuôi, thơ thành kịch bản sân khấu, hoặc từ kịch bản thuộc loại hình sân khấu này sang loại hình sân khấu khác, tác giả hưởng nhuận bút bằng nhuận bút của kịch bản sân khấu cùng thể loại, trong đó tác giả chuyển thể hưởng 50 - 70%, tác giả tác phẩm gốc hưởng tỷ lệ nhuận bút còn lại.

2- Đối với tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật truyền thống (tuồng, chèo, cải lương, múa rối); giao hưởng, nhạc kịch, kịch múa; tác phẩm dành cho thiếu nhi, dân tộc thiểu số, tác giả hưởng thêm nhuận bút khuyến khích bằng 10- 20% nhuận bút của tác phẩm đó.

Tỷ lệ hưởng nhuận bút khuyến khích giữa các tác giả tính theo các phương thức đã quy định.

Khoản tiền nhuận bút khuyến khích tính vào kinh phí dựn chương trình, vở diễn.

3- Tác giả dịch kịch bản sân khấu được sử dụng hưởng nhuận bút bằng 50 - 70% nhuận bút biên kịch của tác phẩm cùng thể loại, quy mô và bậc.

Riêng lời dịch của bản nhạc có lời (kể cả lời trong nhạc kịch) tính theo nhuận bút sáng tác phần lời đối với bản nhạc có lời quy định tại điểm b khoản 3 Điều 15 Nghị định này.

4- Đối với tác phẩm sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác được xuất bản thành các xuất bản phẩm: băng âm thanh, đĩa âm thanh; băng hình, đĩa hình; nhuận bút được tính như sau:

a. Theo các quy định cho tác phẩm sử dụng dưới hình thức xuất bản phẩm tại Chương II Nghị định này.

b. Tỷ lệ hưởng nhuận bút giữa các tác giả tính theo thể loại, bậc quy định tại Điều 15 Nghị định này.

Điều 18: Quỹ nhuận bút

Bên sử dụng tác phẩm sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác trích lập quỹ nhuận bút từ tổng chi phí xây dựng chương trình dựa theo các hệ số trong khung nhuận bút hoặc từ tổng doanh thu buổi diễn theo các tỷ lệ quy định.

Chương IV nhuận bút cho tác phẩm Điện ảnh, Vi-Đi-Ô

Điều 19: Đối tượng hưởng nhuận bút

1- Tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm có tác phẩm được sử dụng dưới hình thức điện ảnh, vi-đi-ô (gọi chung là điện ảnh).

2- Đạo diễn, biên kịch, quay phim, người dựng phim, nhạc sĩ, hoạ sĩ.

3- Tác giả là người thuộc đơn vị sử dụng tác phẩm (trong biên chế hoặc hợp đồng dài hạn) hưởng nhuận bút theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này.

4- Ngoài các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này, diễn viên điện ảnh, đạo diễn âm thanh, quay phim kỹ xảo, hoạ sĩ diễn xuất động tác (cho phim hoạt hình) tuỳ theo mức độ đóng góp được bên sử dụng tác phẩm trả thù lao.

Những người thực hiện các công việc trên là người thuộc đơn vị sử dụng tác phẩm (trong biên chế hoặc hợp đồng dài hạn) hưởng thù lao theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này.

Tiền thù lao được tính trong tổng chi phí giá thành xây dựng tác phẩm.

Điều 20: Nhuận bút cho tác phẩm điện ảnh

Nhuận bút cho tác phẩm điện ảnh (phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim phóng sự, phim hoạt hình), không phân biệt vật liệu ghi hình, căn cứ vào chất lượng, thể loại được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng chi phí giá thành

sản xuất được duyệt (đối với phim Nhà nước đặt hàng hoặc tài trợ) hoặc giá bán sản phẩm điện ảnh.

1- Phim truyện

Nhuận bút được tính trả theo một trong ba bậc như sau:

Đơn vị tính: Giá thành sản xuất tác phẩm

TT	Các chức danh	Bậc I	Bậc II	Bậc III
1	Đạo diễn	2,25%	2,50%	2,75%
2	Biên kịch	2,25%	2,50%	2,75%
3	Quay phim	1,20%	1,35%	1,50%
4	Người dựng phim	0,37%	0,43%	0,50%
5	Nhạc sĩ	0,70%	0,80%	0,90%
6	Hoạ sĩ	0,80%	0,90%	1,00%

2- Phim tài liệu, phim khoa học

Nhuận bút được tính trả theo một trong ba bậc như sau:

Đơn vị tính: Giá thành sản xuất tác phẩm

TT	Các chức danh	Bậc I	Bậc II	Bậc III
1	Đạo diễn	4,21%	4,72%	5,30%
2	Biên kịch	4,21%	4,72%	5,30%
3	Quay phim	2,15%	2,50%	2,80%
4	Người dựng phim	0,43%	0,51%	0,60%
5	Nhạc sĩ	0,86%	1,05%	1,20%
6	Hoạ sĩ	1,00%	1,20%	1,35%

3- Phim phóng sự

Nhuận bút được tính theo một trong hai bậc như sau:

Đơn vị tính: Giá thành sản xuất tác phẩm

STT	Các chức danh	Bậc I	Bậc II
1	Đạo diễn	2,7%	3,2%
2	Biên kịch	2,7%	3,2%
3	Quay phim	2,2%	2,5%
4	Người dựng phim	0,3%	0,4%
5	Nhạc sĩ	0,6%	0,7%

4- Phim hoạt hình

Nhuận bút được trả theo một trong ba bậc như sau:

Đơn vị tính: Giá thành sản xuất tác phẩm

TT	Các chức danh	Bậc I	Bậc II	Bậc III
1	Đạo diễn	3,65%	4,30%	4,95%
2	Biên kịch	3,65%	4,30%	4,95%
3	Quay phim	1,80%	2,15%	2,50%
4	Người dựng phim	0,33%	0,43%	0,53%
5	Nhạc sĩ	1,30%	1,55%	1,80%
6	Hoạ sĩ	2,70%	3,20%	3,70%

Điều 21: Những quy định khác

1- Đối với tác phẩm chuyển thể từ tác phẩm văn học, sân khấu.... sang kịch bản điện ảnh, tác giả tác phẩm gốc hưởng bằng 30-40% nhuận bút biên kịch của tác phẩm cùng thể loại, bậc; tác giả chuyển thể hưởng phần còn lại của nhuận bút biên kịch.

2- Đối với tác phẩm dành cho thiếu nhi, dân tộc thiểu số, tác giả hưởng thêm nhuận bút khuyến khích bằng 5% nhuận bút bình quân của một tác phẩm điện ảnh trong năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3- Từ bản phim nhựa thứ 11, tác giả hưởng thêm nhuận bút khuyến khích bằng 8% tổng doanh thu bán phim.

4- Tỷ lệ hưởng nhuận bút khuyến khích giữa các tác giả theo các phương thức đã quy định.

5- Đối với tác phẩm điện ảnh có tổng chi phí sản xuất cao do các yêu cầu đặc biệt của thiết bị, vật liệu, mức nhuận bút cao nhất không quá 2 lần nhuận bút của tác phẩm điện ảnh có tổng chi phí sản xuất bình quân được duyệt.

Điều 22: Quỹ nhuận bút

Cơ quan sử dụng tác phẩm điện ảnh trích lập quỹ nhuận bút theo tỷ lệ phần trăm (%) của bậc cao nhất khung nhuận bút quy định tại Điều 20 Nghị định này cộng thêm 30% của tỷ lệ đó, nhân với giá bán hoặc tổng chi phí giá thành sản xuất tác phẩm điện ảnh bình quân/năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với tác phẩm điện ảnh được tài trợ, tổng chi phí bao gồm cả chi phí quản lý.

Chương V
nhuận bút CHO tác phẩm báo chí
(Báo in, báo điện tử)

Điều 23: Đối tượng hưởng nhuận bút

- 1- Tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm có tác phẩm được cơ quan báo chí sử dụng.
- 2- Tác giả là người thuộc cơ quan báo chí sử dụng tác phẩm (trong biên chế hoặc hợp đồng dài hạn) hưởng nhuận bút theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này.
- 3- Ngoài các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, người sưu tầm, người cung cấp tác phẩm, văn bản, tài liệu quy định tại khoản 6 Điều 6 Nghị định này, biên tập viên tùy theo mức độ đóng góp được cơ quan báo chí trả thù lao. Biên tập viên là người thuộc cơ quan báo chí (trong biên chế hoặc hợp đồng dài hạn) hưởng thù lao theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này. Tiền thù lao được tính trong giá thành hoặc tổng chi phí làm báo.

Điều 24: Nhuận bút cho tác phẩm báo chí

Nhuận bút cho tác phẩm báo chí (báo in, báo điện tử) căn cứ vào thể loại, chất lượng tính theo hệ số trong khung nhuận bút dưới đây:

Nhóm	Thể loại	Hệ số
1	Tin Trả lời bạn đọc	1-10
2	Tranh	1-10
3	ảnh	1-10
4	Chính luận	10-30
5	Phóng sự Ký Bài phỏng vấn	10-30
6	Văn học	8-30
7	Nghiên cứu	10-30

- 1- Tùy theo thể loại, chất lượng tác phẩm, Tổng Biên tập quyết định mức hệ số nhuận bút của tác phẩm.
- 2- Đối với tác phẩm không quy định trong khung nhuận bút và tin tức quy định tại điểm c khoản 6 Điều 6 Nghị định này, Tổng Biên tập căn cứ vào tính chất, đặc trưng của tác phẩm quyết định hệ số nhuận bút cho tác giả và thù lao tương ứng cho người sưu tầm, người cung cấp.
- 3- Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút bằng 10% mức tiền lương tối thiểu. Đối với cơ quan báo chí tự cân đối được kinh phí và có lãi do hoạt động báo chí và các hoạt động kinh tế hỗ trợ, căn cứ vào chất lượng, thể loại theo khung hệ số nhuận bút, Tổng Biên tập có thể trả cho tác giả cao hơn mức nhuận bút bình quân chung, nhưng không vượt quá quỹ nhuận bút cho phép.

4- Nhuận bút được tính trả theo mức hệ số nhuận bút trong khung nhuận bút nhân với giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút.

$$\text{Nhuận bút} = \frac{\text{Mức hệ số nhuận bút}}{\text{Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút}} \times \text{Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút}$$

Điều 25: Những quy định khác

1- Tác giả phần lời của bản nhạc, của truyện tranh hưởng từ 20-50% nhuận bút của tác phẩm đó.

2- Tác giả bản dịch từ tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số sang tiếng Việt hoặc ngược lại hưởng từ 40 - 65% nhuận bút của tác phẩm cùng thể loại tương ứng bằng tiếng Việt. Mức nhuận bút do Tổng Biên tập quyết định.

3- Tác giả của tác phẩm dành cho thiếu nhi, dân tộc thiểu số hưởng thêm khoản nhuận bút khuyến khích bằng 10-20% nhuận bút của tác phẩm đó.

4- Tác giả là người Việt Nam viết trực tiếp bằng tiếng nước ngoài, người Kinh viết trực tiếp bằng tiếng dân tộc thiểu số, người dân tộc thiểu số này viết trực tiếp bằng tiếng dân tộc thiểu số khác, hưởng thêm khoản nhuận bút khuyến khích bằng 30- 50% nhuận bút của tác phẩm đó.

5- Tác giả của tác phẩm thực hiện trong điều kiện khó khăn, nguy hiểm được hưởng thêm nhuận bút khuyến khích, tối đa bằng mức nhuận bút của tác phẩm đó.

6- Tỷ lệ hưởng nhuận bút giữa người phỏng vấn và người được phỏng vấn do hai bên thoả thuận.

Điều 26: Quỹ nhuận bút

1- Cơ quan báo chí trích lập quỹ nhuận bút theo hai cách:

a. Đối với cơ quan báo chí hoạt động chủ yếu bằng ngân sách Nhà nước, do cơ quan chủ quản cấp, quỹ nhuận bút hàng năm được tính như sau: số lượng mức hệ số nhuận bút bình quân trong một kỳ báo, tạp chí nhân với giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút, nhân với số kỳ báo, tạp chí trong năm; cộng thêm phần nhuận bút khuyến khích và thù lao.

b. Đối với cơ quan báo chí tự cân đối được kinh phí và có lãi do hoạt động báo chí, quỹ nhuận bút được tính từ doanh thu hoạt động báo chí theo tỷ lệ dưới đây:

- 1-5% doanh thu đối với cơ quan báo chí có số lượng phát hành trên 100.000 bản.

- 5-10% doanh thu đối với cơ quan báo chí có số lượng phát hành từ 100.000 bản trở xuống.

2- Quỹ nhuận bút còn được bổ sung từ các nguồn thu khác của cơ quan báo chí có sự đồng ý của cơ quan chủ quản.

Chương VI
NHUẬN BÚT CHO TÁC PHẨM
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH
(Báo nói, báo hình)

Điều 27: Đối tượng hưởng nhuận bút

1- Tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm có tác phẩm được cơ quan phát thanh, truyền hình sử dụng.

2- Biên kịch, đạo diễn, nhạc sĩ (không kể phần nhạc qua băng tư liệu)- đối với phát thanh.

3- Biên kịch, đạo diễn, quay phim, người dựng phim, nhạc sĩ (không kể phần nhạc qua băng tư liệu), họa sĩ- đối với truyền hình.

4- Tác giả là người thuộc cơ quan sử dụng tác phẩm (trong biên chế hoặc hợp đồng dài hạn) hưởng nhuận bút theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này.

5- Ngoài các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, phát thanh viên, diễn viên sân khấu, điện ảnh và các loại hình nghệ thuật khác, đạo diễn chương trình, người chỉ huy dàn dựng âm nhạc, người thiết kế ánh sáng, trợ lý nghệ thuật, đạo diễn âm thanh, quay phim kỹ xảo tùy theo mức độ đóng góp được cơ quan phát thanh, truyền hình trả thù lao.

Những người thực hiện các công việc trên là người thuộc cơ quan phát thanh, truyền hình (trong biên chế hoặc hợp đồng dài hạn) hưởng thù lao theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này.

Tiền thù lao được tính trong giá thành hoặc tổng chi phí xây dựng tác phẩm.

Điều 28: Nhuận bút cho tác phẩm phát thanh, truyền hình

1- Tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm thuộc khoản 1 Điều 27 Nghị định này hưởng nhuận bút theo các quy định tại Chương V Nghị định này.

2- Nhuận bút trả cho tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định này như sau:

a. Đối với thể loại 1, 4, 5, 7 trong khung nhuận bút báo chí, tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm hưởng nhuận bút bằng 20-30% mức nhuận bút của thể loại tương ứng.

b. Đối với thể loại 6 trong khung nhuận bút báo chí, tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm hưởng nhuận bút bằng 50-150% thể loại tương ứng.

c. Đối với tác phẩm sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác, tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm hưởng nhuận bút bằng 50-70% mức nhuận bút quy định tại Chương III Nghị định này.

3- Nhuận bút trả cho tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định này như sau:

- a. Đối với thể loại 1, 4, 5, 7 trong khung nhuận bút báo chí, tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm hưởng nhuận bút bằng 50-100% mức nhuận bút của thể loại tương ứng.
- b. Đối với thể loại 6 trong khung nhuận bút báo chí, tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm hưởng nhuận bút bằng 100-200% thể loại tương ứng.
- c. Đối với tác phẩm sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác, tác phẩm điện ảnh, tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm hưởng nhuận bút bằng mức nhuận bút tương ứng quy định tại Chương III hoặc Chương IV Nghị định này. Tổng giám đốc (hoặc Giám đốc) đài truyền hình được quyền trả nhuận bút cho tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm ở mức cao hơn song tổng nhuận bút và thù lao tối đa không quá 20% đối với phim truyện, sân khấu truyền hình, không quá 60% đối với phim tài liệu, phim khoa học trong tổng chi phí sản xuất tác phẩm (không bao gồm chi phí thiết bị về truyền hình).

Điều 29: Những quy định khác

- 1- Tác phẩm phát nhiều lần trên sóng hưởng nhuận bút theo thoả thuận trong hợp đồng.
- 2- Tác phẩm đã sử dụng ở cơ quan báo chí khác hoặc dưới hình thức xuất bản, nếu được sử dụng lại cho phát thanh, truyền hình không nhằm mục đích kinh doanh thì tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm không hưởng nhuận bút quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định này.

Điều 30: Quỹ nhuận bút

- 1- Đối với đài phát thanh, đài truyền hình hoạt động chủ yếu bằng ngân sách Nhà nước, do cơ quan chủ quản cấp, quỹ nhuận bút tính theo bình quân nhuận bút cho một chương trình phát thanh, truyền hình nhân với tổng thời lượng chương trình phát thanh, truyền hình trong năm; cộng thêm phần nhuận bút khuyến khích và thù lao.
- 2- Đối với đài phát thanh, đài truyền hình tự cân đối được kinh phí hoặc được Nhà nước khoán thu, khoán chi mà có nguồn thu bằng hoặc vượt chi thì quỹ nhuận bút được trích từ 3-15% tổng thu bao gồm phần ngân sách Nhà nước cấp và các khoản thu khác (thu từ quảng cáo, dịch vụ bán chương trình và dịch vụ hoạt động phát thanh, truyền hình khác).
- 3- Quỹ nhuận bút còn được bổ sung từ các nguồn thu khác của đài phát thanh, đài truyền hình có sự đồng ý của cơ quan chủ quản.

Chương VII
NHUẬN BÚT CHO TÁC PHẨM
TẠO HÌNH (MỸ THUẬT), MỸ THUẬT ỨNG DỤNG
VÀ NHIẾP ẢNH

Điều 31: Đối tượng hưởng nhuận bút

Tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm tạo hình (mỹ thuật), mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh có tác phẩm được sử dụng.

Điều 32: Nhuận bút cho tác phẩm tạo hình (mỹ thuật), mỹ thuật ứng dụng, nhiếp ảnh

1- Mức nhuận bút đối với tác phẩm tạo hình (mỹ thuật), mỹ thuật ứng dụng và nhiếp ảnh không phụ thuộc vào chất liệu, kích thước, quy mô thể hiện của tác phẩm, do bên sử dụng tác phẩm thoả thuận với tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm thông qua hợp đồng sử dụng tác phẩm.

2- Giao cho Bộ Văn hoá - Thông tin chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính quy định và hướng dẫn việc trả nhuận bút khi sử dụng tác phẩm bằng Ngân sách Nhà nước.

Điều 33: Thù lao cho tác phẩm tạo hình (mỹ thuật), mỹ thuật ứng dụng, nhiếp ảnh được sử dụng để trưng bày, triển lãm

1- Đối với tác phẩm tạo hình (mỹ thuật), mỹ thuật ứng dụng, nhiếp ảnh được trưng bày, triển lãm do các cơ quan Nhà nước tổ chức thì Ban tổ chức trả thù lao cho tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm theo quy định sau:

a. Triển lãm quốc tế và toàn quốc: Mỗi tác phẩm trưng bày trong một cuộc được trả ít nhất bằng 100% mức tiền lương tối thiểu.

b. Triển lãm khu vực và địa phương: Mỗi tác phẩm trưng bày trong một cuộc được trả ít nhất bằng 50% mức tiền lương tối thiểu.

2- Đối với tác phẩm tạo hình (mỹ thuật), mỹ thuật ứng dụng, nhiếp ảnh được trưng bày, triển lãm do các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, xã hội, xã hội - nghề nghiệp tổ chức hoặc được trưng bày, triển lãm mang tính thương mại, phong trào, từ thiện, liên hoan giao lưu... thì Ban tổ chức thoả thuận với tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm về mức thù lao.

Chương VIII
Hợp đồng sử dụng tác phẩm

Điều 34: Chế độ nhuận bút được thực hiện thông qua hợp đồng sử dụng tác phẩm theo các quy định tại Chương III Nghị định số 76/CP ngày 29 tháng 11

năm 1996 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn liên quan về hợp đồng sử dụng tác phẩm.

Chương IX **quản lý nhà nước về chế độ nhuận bút**

Điều 35: Quản lý Nhà nước về chế độ nhuận bút thuộc phạm vi quản lý nhà nước về bảo hộ quyền tác giả, thực hiện theo các quy định tại Chương VI Nghị định số 76/CP ngày 29 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ.

Chương X **Điều khoản thi hành**

Điều 36: Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.
Nghị định số 59/HĐBT ngày 05 tháng 6 năm 1989 của Hội đồng Bộ trưởng “về chế độ nhuận bút đối với tác phẩm chính trị - xã hội, văn hoá - giáo dục, văn học - nghệ thuật, khoa học- kỹ thuật” và các văn bản hướng dẫn thực hiện hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.
Những quy định trước đây trái với nội dung quy định tại Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Điều 37: Trách nhiệm hướng dẫn thi hành

Bộ Văn hoá - Thông tin hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 38: Trách nhiệm thi hành Nghị định

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tác giả, chủ sở hữu tác phẩm và bên sử dụng tác phẩm chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. chính phủ
Thủ tướng

Đã ký: **Phan Văn Khải**